

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 311/2023/DS-ST
Ngày: 27 - 12 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Bửu Khánh

Ông Võ Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và ngày 27 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 356/2023/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SGTT

Địa chỉ: NKKN, p 8, Q 3, TP HCM

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Đ Th D– Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn H Kh– Giám đốc Ngân hàng TMCP SGTT– Chi nhánh SG(Theo giấy ủy quyền số 3927/GUQ-PL ngày 16/12/2019).

- Người đại tham gia tố tụng: Anh Nguyễn Chí Thượng – Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng TMCP SGTT(Theo giấy ủy quyền số 65 ngày 04/4/2023).

- Bị đơn: Anh Danh L V, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: ẤpVL, xã VT, huyện GR, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện tham gia tố tụng của nguyên đơn anh Nguyễn Chí Thượng trình bày:

Ngày 05/02/2018, anh Danh L V có ký với Ngân hàng TMCP SGTT– Chi nhánh Điện Biên Phủ - Phòng Giao dịch Cao Thắng, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế Visa 472074 – 8010, hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất của thẻ được áp dụng tại thời điểm cấp thẻ là 2,15%/tháng. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn theo Điều 26 của điều khoản; điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của Ngân hàng. Sau khi được cấp thẻ

anh L V đã thực hiện các giao dịch 30.300.000 đồng. Sau khi sử dụng thẻ anh L V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ 04 tháng liên tiếp không thanh toán cho Ngân hàng, nhưng Ngân hàng không áp dụng 150% lãi trong hạn, lãi suất trên chỉ áp dụng khi Ngân hàng chấm dứt thẻ. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay anh Danh L V đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 7.380.000 đồng, thì ngưng không thực hiện thanh toán số tiền còn lại. Qua nhiều lần nhắc nhở nhưng anh Danh L V vẫn không thực hiện chi trả nợ mà cố ý lẩn tránh. Do Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ vào ngày 31/10/2018 và chuyển toàn bộ dư nợ thiếu sang nợ quá hạn và chốt tiền gốc và lãi quá hạn là 30.090.996 đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh Danh L V phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 18/12/2023 nợ gốc là 30.090.996 đồng và lãi quá hạn là 60.620.152 đồng. Tổng cộng 90.711.148 đồng và lãi phát sinh từ ngày 19/12/2023 cho đến khi trả dứt nợ theo thỏa thuận của hợp đồng.

Bị đơn anh Danh L V đã được Tòa án triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa theo thủ tục niêm yết công khai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu anh Danh L V phải trả số tiền nợ gốc là 30.090.996 đồng và lãi quá hạn là 60.620.152 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 90.711.148 đồng và lãi phát sinh từ ngày 19/12/2023 cho đến khi trả dứt nợ theo thỏa thuận của hợp đồng. Xét thấy bị đơn Danh L V có ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tại Ngân hàng TMCP SGTT là hoàn toàn tự nguyện, các chủ thẻ tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự và thực hiện đúng với các quy định của pháp luật về phát hành thẻ và sử dụng thẻ nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, theo hợp đồng mở thẻ xác định anh V được sử dụng với hạn mức là 30.000.000 đồng, nhưng nguyên đơn khởi kiện cho rằng nợ gốc hiện tại là 30.090.996 đồng là do nợ trước cộng vào lãi phí nên dư nợ gốc hiện tại là 30.090.996 đồng, việc này không phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà

nước. Tuy nhiên, xét thấy số tiền 90.996 đồng không lớn và cũng không ảnh hưởng quyền lợi của bị đơn, do theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng thì tổ chức tín dụng được tính các khoản lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh. Nên từ đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Danh L V được Tòa án triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa thông qua thủ tục niêm yết công khai theo quy định Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Danh L V vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TMCP SGT khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Danh L V phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 18/12/2023 nợ gốc là 30.090.996 đồng và lãi quá hạn là 60.620.152 đồng. Tổng cộng 90.711.148 đồng và lãi phát sinh từ ngày 19/12/2023 cho đến khi trả dứt nợ theo thỏa thuận của hợp đồng. Hội đồng xét xử xác định đây quan hệ tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*” và theo xác minh tại địa phương xác định anh Danh L V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp VL, xã VT, huyện GR, tỉnh KG hiện tại anh V đã đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương, nhưng anh V vẫn thường xuyên về địa phương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Theo hợp đồng mở thẻ ngày 01/02/2018. Xác định anh Danh L V có ký xác nhận giấy đề nghị mở thẻ tín dụng hạn mức là 30.000.000 đồng. Việc các bên ký kết hợp đồng mở thẻ Visa là hoàn toàn tự nguyện, các chủ thẻ tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự phù hợp với các quy định của pháp luật. Trong quá trình sử dụng thẻ anh Danh L V đã giao dịch sử dụng số tiền được cấp

theo định mức và vi phạm nghĩa vụ thánh toán gốc và lãi. Ngân hàng đã thông báo và nhắc nhở nhưng anh V vẫn không thực hiện nghĩa vụ nên Ngân hàng đã khởi kiện và Tòa án đã thông báo cho anh Danh L V nhưng anh vắng mặt và không cung cấp hoặc đưa ra chứng cứ chứng minh phản bác đối với yêu cầu của nguyên đơn.

[3.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng cho rằng theo quy định của khoản 4 Mục I Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ Tư pháp – Bộ Tài chính, nên đến tháng 10/2018 dư nợ gốc của anh V là 30.090.996 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy xét thấy dư nợ gốc anh V như Ngân hàng tính là chưa phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước được quy định tại Thông tư 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Việc Ngân hàng cho rằng dư nợ gốc được tính lãi hàng tháng trước cộng vào số tiền gốc chưa thanh toán ra dư nợ gốc là không phù hợp. Bởi như trình bày của Ngân hàng Thông tư 01/TTLT ngày 19/6/1997 là hướng dẫn Bộ luật Dân sự 1995 đã hết hiệu lực, nên không thể áp dụng vào hợp đồng xác lập giữa Ngân hàng với anh Danh L V được thực hiện vào ngày 01/02/2018. Tuy nhiên, xét thấy số tiền lãi cộng vào gốc không lớn, bị đơn vắng mặt không có yêu cầu xem xét và theo quy định của pháp luật thì tổ chức tín dụng được phép tính các loại phí và lãi đối với số tiền khách hàng vi phạm hợp đồng và số tiền này không vượt so với quy định nên nguyên đơn cộng vào phần gốc cũng không ảnh hưởng đến bị đơn. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Buộc bị đơn phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi như yêu cầu là có căn cứ xem xét.

[4] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị anh Danh L V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 90.711.148 đồng x 5% = 4.535.557 đồng (*Bốn triệu năm trăm ba mươi năm nghìn năm trăm năm mươi bảy đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần SG Thương Tín số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, theo biên lai thu của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 179; Điều 180; Điều 227; Điều 264; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 91, khoản 1 Điều 95, khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần SGThương Tín: Buộc anh Danh L V phải trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày 18/12/2023 là đồng 90.711.148 đồng (chín mươi triệu bảy trăm mười một nghìn một trăm bốn mươi tám đồng). Trong đó gốc là 30.090.996 đồng và lãi là 60.620.152 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày 19/12/2023, anh Danh L V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2. Án phí:

Anh Danh L V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 4.535.557 đồng (*Bốn triệu năm trăm ba mươi năm nghìn năm trăm năm mươi bảy đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGThương Tín số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 1.260.947 đồng (*Một triệu hai trăm sáu chục nghìn chín trăm bốn mươi bảy đồng*), do Lê Nguyễn Hoàng Anh nộp thay, theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0061941 ngày 29/9/2020, của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS quận Bình Tân;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

